

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị M và anh
Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Màng.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiệu – Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTM, sinh 1992, trú tại: Bản MB, xã MB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh CVQ, sinh 1993, trú tại: Bản MB, xã MB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 1, đội 17 thuộc Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTM trình bày:

Chị và anh CVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 07/5/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh CVQ nghiện ma túy và dẫn đến phạm tội. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 1, đội 17 thuộc Trại giam Yên Hạ. Từ đó hai người sống không quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Chị LTM xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh CVQ.

Về con chung: Có hai con là CNH, sinh ngày 06/12/2013 và CTQ, sinh ngày 29/12/2015. Hiện nay chị đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh CVQ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh CVQ trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTM và anh CVQ. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTM. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có hai con là CNH, sinh ngày 06/12/2013 và CTQ, sinh ngày 29/12/2015. Anh xác nhận hiện nay chị LTM đang nuôi con, nguyện vọng xin để bố mẹ anh nuôi hoặc để chị LTM nuôi trong thời gian anh đi tù và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị LTM được ly hôn anh CVQ.

Về con chung: Giao cháu CNH, sinh ngày 06/12/2013 và CTQ, sinh ngày 29/12/2015 cho chị LTM trực tiếp nuôi dưỡng. Anh CVQ không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTM chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh CVQ sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh CVQ đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và đã được triệu tập xét xử hợp lệ có xác nhận của Trại giam Yên Hạ. Các đương sự đều có đề nghị xử vắng mặt, căn cứ quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTM và anh CVQ có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh CVQ nghiện ma túy, dẫn đến phạm tội. Hai người sống ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTM và anh CVQ đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTM yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTM được ly hôn anh CVQ.

[3] Về con chung: Có hai con là CNH, sinh ngày 06/12/2013 và CTQ, sinh ngày 29/12/2015. Hiện nay chị LTM đang nuôi con và có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh CVQ cấp dưỡng. Căn cứ nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với mẹ, cần chấp nhận giao cháu CNH và CTQ cho chị LTM trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTM đã được giải thích thủ tục miễn án phí, chị không cần miễn án phí. Nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTM được ly hôn anh CVQ.

2. Về con chung: Giao cháu CNH, sinh ngày 06/12/2013 và CTQ, sinh ngày 29/12/2015 cho chị LTM trực tiếp nuôi dưỡng. Anh CVQ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001269 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị LTM, anh CVQ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Chiềng Hoa, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn